Biểu số: 01/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

05 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La
Đơn vị nhận báo cáo: TTDLTTTK, Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án			
										Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác						
											Thi hành xong	Đình chỉ									
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Tổng số	**27**	**159**	**62**	**97**	**-**	**-**	**159**	**149**	**58**	**58**	**-**	**91**	**-**	**-**	**10**	**-**	**-**	**101**	**38,93%**	**7**
I	**Tổng số việc chủ động**	**26**	**151**	**58**	**93**	**-**	**-**	**151**	**142**	**56**	**56**	**-**	**86**	**-**	**-**	**9**	**-**	**-**	**95**	**39,44%**	**4**
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	12	42	11	31	-	-	42	39	27	27	-	12	-	-	3	-	-	15	**69,23%**	**1**
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	14	109	47	62	-	-	109	103	29	29	-	74	-	-	6	-	-	80	**28,16%**	**3**
II	**Tổng số việc theo yêu cầu**	**1**	**8**	**4**	**4**	**-**	**-**	**8**	**7**	**2**	**2**	**-**	**5**	**-**	**-**	**1**	**-**	**-**	**6**	**28,57%**	**3**
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	-	4	2	2	-	-	4	3	2	2	-	1	-	-	1	-	-	2	**66,67%**	**3**
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	1	4	2	2	-	-	4	4	-	-	-	4	-	-	-	-	-	4	**0,00%**	**-**

Sơn La, ngày 31 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Duy Khánh
ĐT: 0982.527.557

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lò Anh Vĩnh

Biểu số: 02/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

05 tháng/năm 2024

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La
Đơn vị nhận báo cáo: TTDLTTTK, Tổng cục THADS

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	Số chưa có điều kiện chuyển sổ theo dõi riêng
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:							Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án			
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác						
										Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tổng số		25.676.434	11.693.337	13.983.097	1.380.364	-	24.296.070	15.222.197	6.744.206	6.744.206	-	-	8.477.991	-	-	9.073.873	-	-	17.551.864	44,31%	1.848.180
I	Tổng số việc chủ động	22.484.493	10.748.894	11.735.599	1.380.364	-	21.104.129	12.228.699	5.081.778	5.081.778	-	-	7.146.921	-	-	8.875.430	-	-	16.022.351	41,56%	1.403.017
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	5.521.824	2.190.809	3.331.015	50.000	-	5.471.824	4.132.626	3.235.165	3.235.165	-	-	897.461	-	-	1.339.198	-	-	2.236.659	78,28%	36.939
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	16.962.669	8.558.085	8.404.584	1.330.364	-	15.632.305	8.096.073	1.846.613	1.846.613	-	-	6.249.460	-	-	7.536.232	-	-	13.785.692	22,81%	1.366.078
II	Tổng số việc theo yêu cầu	3.191.941	944.443	2.247.498	-	-	3.191.941	2.993.498	1.662.428	1.662.428	-	-	1.331.070	-	-	198.443	-	-	1.529.513	55,53%	445.163
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	1.968.871	341.443	1.627.428	-	-	1.968.871	1.770.428	1.627.428	1.627.428	-	-	143.000	-	-	198.443	-	-	341.443	91,92%	445.163
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	1.223.070	603.000	620.070	-	-	1.223.070	1.223.070	35.000	35.000	-	-	1.188.070	-	-	-	-	-	1.188.070	2,86%	-

Sơn La, ngày 31 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Duy Khánh
ĐT: 0982.527.557

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TỔNG CỤC T.H.A.D.S. CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Lò Anh Vĩnh

ОБЛАСНА НАУКОВА БІБЛІОТЕКА ЧЕРНІВЕЦЬКОЇ ОБЛАСНОЇ ДЕРЖАВНОЇ АДМІНІСТРАЦІЇ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN PHÁ SẢN

(Số liệu tháng 01 năm 2024 - 04 tháng năm 2024)

ĐVT: nghìn đồng.

TT	Vụ việc phá sản	Số phải thi hành trong kỳ báo cáo		Kết quả tổ chức thi hành trong kỳ báo cáo								Số đã chuyển về Cục THADS để phân chia theo quy định	Giải quyết khác của CQTHADS		Số còn phải thi hành chuyển kỳ sau	
				Ủy thác THA		Cưỡng chế THA		Đình chỉ THA		Thi hành xong *(Thực thu)*			Xác minh	Giải quyết		
		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số tiền			Số người	Số tiền
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	**Công ty Dâu tằm tơ Sơn La**	**2.616**	**7.341.143**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.000**	**0**	**0**	**0**	**2.616**	**7.338.143**
	Cục THADS tỉnh	5	351.601												5	351.601
	Mường La	7	37.595								3.000				7	34.595
	Thành phố	502	1.641.818												502	1.641.818
	Mai Sơn	1.596	4.217.507												1.596	4.217.507
	Thuận Châu	506	1.092.622												506	1.092.622
2	**Công ty dịch vụ phát triển Chè Sơn La**	**893**	**7.918.994**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**893**	**7.918.994**
	Cục	0	1.344.415												0	1.344.415
	Thuận Châu	444	3.388.103												444	3.388.103
	Yên Châu	409	2.315.533												409	2.315.533
	Mai Sơn	40	870.943												40	870.943
3	**Công ty phát triển chăn nuôi Sơn La**	**62**	**2.684.232**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**62**	**2.684.232**
	Cục	48	1.412.057												48	1.412.057
	Mai Sơn	8	844.116												8	844.116
	Thành phố	6	428.059												6	428.059

4	**Công ty cổ phần xi măng Chiềng Sinh**	**29**	**2.080.622**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**29**	**2.080.622**
	Cục	26	1.961.371												26	1.961.371
	Sông Mã	1	56.000												1	56.000
	Mai Sơn	1	21.251												1	21.251
	Mộc Châu	1	42.000												1	42.000
5	**Công ty Cà phê và Cây ăn quả Sơn La**	**5.250**	**71.963.549**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18**	**10.581**	**0**	**0**	**0**	**5.232**	**71.952.968**
	Cục	0	0												0	0
	Mường La	21	119.352												21	119.352
	Yên Châu	15	67.834												15	67.834
	Sông Mã	185	771.371							17	4.788				168	766.583
	Thành phố	1.933	37.015.015												1.933	37.015.015
	Thuận Châu	1.570	14.156.228												1.570	14.156.228
	Quỳnh Nhai	215	775.511							1	2.793				214	772.718
	Sốp Cộp	195	901.874								3.000				195	898.874
	Phù Yên	254	1.510.630												254	1.510.630
	Mai Sơn	787	16.269.808												787	16.269.808
	Mộc Châu	75	375.926												75	375.926
Tổng cộng		**8.850**	**91.988.540**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18**	**13.581**	**0**	**0**	**0**	**8.832**	**91.974.959**

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG CHỨC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA NĂM 2024

(Số liệu tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2024)

Số TT đơn vị	Số TT CC,NLĐ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh: Ngày	Tháng	Năm	Chức vụ đang giữ – Cấp trưởng: Trưởng	Quyền	Phó phụ trách	Cấp phó	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lần đầu chức vụ đang giữ: Ngày	Tháng	Năm	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lại chức vụ đang giữ: Ngày	Tháng	Năm
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		TỔNG CỘNG	113					17	0	0	13						
		CỤC THADS CẤP TỈNH:	25					5	0	0	3						
	1	Lãnh đạo Cục	Nguyễn Ngọc Hai	Nam	26	10	1965	1				18	1	2010	18	1	2020
1	2	Lãnh đạo Cục	Lò Anh Vĩnh	Nam	17	9	1978				1	1	12	2019			
	3	Lãnh đạo Cục	Lường Quang Yên	Nam	27	9	1972				1	1	11	2016	1	11	2021
	4	Văn Phòng	Nguyễn Thị Bích Trang	Nữ	8	4	1976	1				1	12	2021			
	5	Văn Phòng	Lò Thị Liên	Nữ	29	3	1972				1	1	8	2015	1	8	2020
	6	Văn Phòng	Phạm Thị Thuỳ Vân	Nữ	30	9	1979										
2	7	Văn Phòng	Quàng Thị Nguyệt	Nữ	28	1	1985										
	8	Văn Phòng	Sùng A Phia	Nam	14	2	1987										
	9	Văn Phòng	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	5	1	1982										
	10	Văn Phòng	Nguyễn Hải Yến	Nữ	29	10	1987										
	11	Văn Phòng	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	12	2	1984										
	12	Phòng Tổ chức cán bộ	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	29	10	1992	1				01	8	2023			
3	13	Phòng Tổ chức cán bộ	Phạm Thu Hiền	Nữ	6	11	1989										
	14	Phòng Tổ chức cán bộ	Lê Thị Mai	Nữ	28	2	1994										
	15	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Nguyễn Thị Minh Hậu	Nữ	5	10	1971	1				1	12	2021			
	16	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Lò Văn Ngoan	Nam	8	5	1989										
	17	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Đỗ Duy Khánh	Nam	4	3	1991										
4	18	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Lê Hà Quốc Khánh	Nam	3	9	1992										
	19	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Cà Thị Phượng	Nữ	26	5	1970										
	20	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Nguyễn Thị Phương Lan	Nữ	3	2	1972										
	21	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	Lê Thị Thu Huyền	Nữ	5	6	1976										
	22	Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vương Nguyệt Nga	Nữ	28	9	1974	1				1	12	2021			
5	23	Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Lò An Chiến	Nam	2	11	1965										
	24	Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vũ Giang Hương	Nữ	20	1	1973										
	25	Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Phạm Thu Huyền	Nữ	25	10	1985										
		CHI CỤC THADS CẤP HUYỆN	88					12	0	0	10						
	1	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Đỗ Hải Yến	Nữ	11	9	1974	1				20	1	2021			
	2	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Lê Thị Hải Thương	Nữ	16	8	1984				1	01	11	2023			

Số TT CC,NLĐ	HỌ VÀ TÊN	Kế toán trưởng	Cơ cấu ngạch công chức: CHV cao cấp	CHV trung cấp	CHV Sơ cấp	Thẩm tra viên chính	Thẩm tra viên	Thư ký THA	Thư ký trung cấp THA	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự làm công tác THADS	Thủ kho	Thủ quỹ	Văn thư trung cấp	Kế toán viên chính	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Chức danh còn lại
(B)	(D)	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		30	31	32
	TỔNG CỘNG	0	0	14	34	2	10	11	1	0	9	5	6	5	3	0	9	0	3	1
	CỤC THADS CẤP TỈNH:	0	0	4	3	2	4	5	0	0	3	0	1	1	0	0	2	0	0	0
1	Nguyễn Ngọc Hai			1																
2	Lò Anh Vĩnh			1																
3	Lường Quang Yên			1																
4	Nguyễn Thị Bích Trang					1														
5	Lò Thị Liên										1									
6	Phạm Thị Thuỳ Vân																1			
7	Quàng Thị Nguyệt						1													
8	Sùng A Phia												1							
9	Nguyễn Thị Nhung													1						
10	Nguyễn Hải Yến																1			
11	Nguyễn Thị Ngọc							1												
12	Nguyễn Thị Kim Chi						1													
13	Phạm Thu Hiền							1												
14	Lê Thị Mai										1									
15	Nguyễn Thị Minh Hậu			1																
16	Lò Văn Ngoan				1															
17	Đỗ Duy Khánh				1															
18	Lê Hà Quốc Khánh							1												
19	Cà Thị Phượng							1												
20	Nguyễn Thị Phương Lan							1												
21	Lê Thị Thu Huyền				1															
22	Vương Nguyệt Nga					1														
23	Lò An Chiến						1													
24	Vũ Giang Hương										1									
25	Phạm Thu Huyền						1													
	CHI CỤC THADS CẤP HUYỆN	0	0	10	31	0	6	6	1	0	6	5	5	4	3	0	7	0	3	1
1	Đỗ Hải Yến			1																
2	Lê Thị Hải Thương			1																

Số TT CC,NLĐ	HỌ VÀ TÊN	Trình độ chuyên môn – Trên đại học: Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học: Đại học Luật	Đại học khác	Cao đẳng: Cao đẳng luật	Cao đẳng khác	Trung cấp: Trung cấp luật	Khác	Lý luận Chính trị: Cử nhân	Chính trị: Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Quản lý nhà nước: CVCC	CVC	Chuyên viên	Kỷ luật (trong năm BC từ 01/10-30/9)	ĐẢNG, ĐOÀN: Đảng viên	Còn lại	DÂN TỘC: Kinh	Khác	Hệ đào tạo đại học: Chính quy	Khác	Ghi chú Ghi rõ loại hình đào tạo khác
(B)	(D)	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55
	TỔNG CỘNG	0	3	93	13	0	2	1	1	0	22	40	4	3	23	83	0	89	23	58	55	25	87	80
	CỤC THADS CẤP TỈNH:	0	2	19	4	0	0	0	0	0	7	8	0	3	6	16	0	20	4	15	10	7	17	16
1	Nguyễn Ngọc Hai			1							1			1				1		1			1	Chuyên tu
2	Lò Anh Vĩnh			1							1			1				1			1	1		
3	Lường Quang Yên			1							1			1				1			1	1		
4	Nguyễn Thị Bích Trang			1							1				1			1		1			1	Tại chức
5	Lò Thị Liên				1							1				1		1			1		1	Tại chức
6	Phạm Thị Thuỳ Vân				1										1			1		1			1	Tại chức
7	Quàng Thị Nguyệt			1								1				1		1			1		1	Tại chức
8	Sùng A Phia			1												1		1			1		1	Tại chức
9	Nguyễn Thị Nhung			1												1			1	1			1	Tại chức
10	Nguyễn Hải Yến				1											1				1				
11	Nguyễn Thị Ngọc			1								1				1		1		1			1	Tại chức
12	Nguyễn Thị Kim Chi		1									1			1			1		1		1		
13	Phạm Thu Hiền			1								1				1		1		1		1		
14	Lê Thị Mai			1												1			1	1		1		
15	Nguyễn Thị Minh Hậu			1							1				1			1		1			1	Tại chức
16	Lò Văn Ngoan			1												1		1			1	1		
17	Đỗ Duy Khánh			1												1			1	1			1	Tại chức
18	Lê Hà Quốc Khánh		1													1		1			1		1	
19	Cà Thị Phượng			1												1		1			1		1	Tại chức
20	Nguyễn Thị Phương Lan			1												1			1	1			1	Tại chức
21	Lê Thị Thu Huyền			1							1				1			1		1			1	Tại chức
22	Vương Nguyệt Nga			1							1				1			1			1	1		
23	Lò An Chiến			1								1				1		1			1		1	Tại chức
24	Vũ Giang Hương				1							1				1		1		1			1	Tại chức
25	Phạm Thu Huyền			1								1				1		1		1			1	Tại chức
	CHI CỤC THADS CẤP HUYỆN	0	1	74	9	0	2	1	1	0	15	32	4	0	17	67	0	69	19	43	45	18	70	64
1	Đỗ Hải Yến			1							1				1			1		1			1	Tại chức
2	Lê Thị Hải Thương			1								1			1			1		1			1	Tại chức

Số TT đơn vị	Số TT CC,NLĐ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh: Ngày	Tháng	Năm	Chức vụ đang giữ – Cấp trưởng: Trưởng	Quyền	Phó phụ trách	Cấp phó	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lần đầu chức vụ đang giữ: Ngày	Tháng	Năm	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lại chức vụ đang giữ: Ngày	Tháng	Năm	Kế toán trưởng	Cơ cấu ngạch công chức: CHV cao cấp	CHV trung cấp	CHV Sơ cấp	Thẩm tra viên chính	Thẩm tra viên	Thư ký THA	Thư ký trung cấp THA	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự làm công tác THADS	Thủ kho	Thủ quỹ	Văn thư trung cấp	Kế toán viên chính	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Chức danh còn lại	Trình độ chuyên môn – Trên đại học: Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học: Đại học Luật	Đại học khác	Cao đẳng: Cao đẳng luật	Cao đẳng khác	Trung cấp: Trung cấp luật	Khác	Lý luận Chính trị: Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Quản lý nhà nước: CVCC	CVC	Chuyên viên	Kỷ luật (trong năm BC từ 01/10-30/9)	ĐẢNG, ĐOÀN: Đảng viên	Còn lại	DÂN TỘC: Kinh	Khác	Hệ đào tạo đại học: Chính quy	Khác	Ghi chú Ghi rõ loại hình đào tạo khác
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55
1	3	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Đỗ Quang Huy	Nam	25	8	1990														1																		1								1				1		1		1			1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Tòng Mai Phương	Nữ	14	6	1984														1																	1									1				1		1			1		1	
	5	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Hà Thị Tuyết	Nữ	22	12	1981														1																		1												1		1			1		1	Tại chức
	6	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	9	9	1983																	1															1												1			1	1		1		
	7	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Đào Thị Mai Phương	Nữ	17	4	1986																1																1												1		1		1		1		
	8	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Lò Thị Thuận	Nữ	18	10	1984																								1								1								1				1		1			1		1	Tại chức
	9	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	17	9	1986																						1										1												1		1		1		1		
	10	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Trịnh Thị Quỳnh	Nữ	17	5	1989																					1											1												1		1		1			1	Tại chức
	11	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Hà Thị Kim Thoa	Nữ	16	10	1984																												1						1									1		1		1			1	
	12	Chi cục THADS Thành phố Sơn La	Nguyễn Thu Trang	Nữ	7	5	1998																				1												1												1			1	1		1		
2	1	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Hoàng Quốc Toan	Nam	10	10	1971	1				1	6	2021						1																			1							1				1			1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Ngô Đình Sơn	Nam	15	9	1979				1	06	6	2023							1																		1								1			1			1		1		1		
	3	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Cầm Văn Chất	Nam	17	11	1982																											1							1											1		1			1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Lò Toàn Thắng	Nam	8	9	1989														1																		1												1		1			1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Hoàng Thị Lan	Nữ	3	11	1995																	1															1												1			1	1		1		
	6	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Và A Tria	Nam	15	12	1984																							1									1								1				1		1			1		1	Tại chức
	7	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	19	4	1991																								1													1										1	1			1	
	8	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Đặng Thị Hà	Nữ	4	9	1985																1																1								1				1		1		1			1	Tại chức
	9	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Cầm Trung Toản	Nam	9	6	1972														1																		1								1				1		1			1		1	Tại chức
	10	Chi cục THADS Huyện Mai Sơn	Nguyễn Hữu Việt	Nam	27	4	1989														1																		1												1			1	1			1	Tại chức
3	1	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Nguyễn Viết Hiển	Nam	20	7	1982	1				1	11	2021						1																			1							1				1			1		1		1		
	2	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Lư Văn Tâm	Nam	14	11	1984				1	16	8	2021							1																		1							1					1		1			1		1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Vũ Xuân Chung	Nam	15	12	1984																				1												1								1				1		1		1			1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Vì Văn Lâm	Nam	12	8	1984																					1											1												1		1			1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Vừ Hà Thuận	Nam	11	4	1988																					1											1												1			1		1		1	Tại chức
	6	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Lò Văn Khiêng	Nam	7	2	1967														1																		1								1				1		1			1		1	
	7	Chi cục THADS Huyện Yên Châu	Tráng A Páo	Nam	14	3	1995																				1												1												1			1		1	1		
4	1	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Vũ Thắng	Nam	18	6	1975	1				20	1	2021						1																			1							1				1			1		1		1		
	2	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Lê Văn Minh	Nam	29	6	1989				1	06	6	2023							1																		1								1				1		1		1			1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Hoàng Ngọc Lập	Nam	27	10	1968														1																		1												1		1		1			1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Trần Văn Tuấn	Nam	31	8	1983														1																		1												1			1	1			1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Phạm Thế Hùng	Nam	24	8	1976																1																1												1			1	1		1		
	6	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Hà Thị Cúc	Nữ	6	5	1983																														1			1								1	1			1		1			1		1	Tại chức
	7	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Sồng A Páo	Nam	9	12	1985																						1										1								1				1		1			1		1	Tại chức
	8	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Nguyễn Mai Linh	Nữ	5	9	1994																	1															1												1			1	1		1		

Số TT đơn vị	Số TT CC,NLĐ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh: Ngày	Tháng	Năm	Chức vụ đang giữ – Cấp trưởng: Trưởng	Quyền	Phó phụ trách	Cấp phó	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lần đầu chức vụ đang giữ: Ngày	Tháng	Năm	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lại chức vụ đang giữ: Ngày	Tháng	Năm	Kế toán trưởng	Cơ cấu ngạch công chức: CHV cao cấp	CHV trung cấp	CHV Sơ cấp	Thẩm tra viên chính	Thẩm tra viên	Thư ký THA	Thư ký trung cấp THA	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự làm công tác THADS	Thủ kho	Thủ quỹ	Văn thư trung cấp	Kế toán viên chính	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Chức danh còn lại	Trình độ chuyên môn – Trên đại học: Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học: Đại học Luật	Đại học khác	Cao đẳng: Cao đẳng luật	Cao đẳng khác	Trung cấp: Trung cấp luật	Khác	Lý luận Chính trị: Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Quản lý nhà nước: CVCC	CVC	Chuyên viên	Kỷ luật (trong năm BC từ 01/10-30/9)	ĐẢNG, ĐOÀN: Đảng viên	Còn lại	DÂN TỘC: Kinh	Khác	Hệ đào tạo đại học: Chính quy	Khác	Ghi chú Ghi rõ loại hình đào tạo khác
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55
	9	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	10	1	1990																										1							1											1			1	1			1	Tại chức
	10	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Lò Huy Bắc	Nam	12	11	1988														1																		1												1		1			1		1	Tại chức
	11	Chi cục THADS Huyện Mộc Châu	Hoàng Anh Dũng	Nam	6	12	1989														1																		1								1				1		1		1			1	Tại chức
5	1	Chi cục THADS Huyện Vân Hồ	Nguyễn Ngọc Chiến	Nam	16	7	1971	1				20	1	2021							1																		1							1				1			1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Vân Hồ	Hoàng Ngọc Bắc	Nam	12	10	1989				1	4	1	2022							1																		1								1				1		1			1		1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Vân Hồ	Lò Trung Quân	Nam	6	9	1986																				1												1												1			1		1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Vân Hồ	Thào A Tềnh	Nam	16	6	1984																						1										1								1				1		1			1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Vân Hồ	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	20	6	1984																											1					1														1	1			1	Tại chức
6	1	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	12	2	1978	1				20	1	2021						1																			1							1				1			1		1		1		
	2	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Ngô Quang	Nam	7	3	1975				1	15	11	2020							1																		1							1				1			1			1		1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Lường Văn Nghi	Nam	7	9	1986														1																		1								1				1		1			1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Trần Thị Hương	Nữ	22	10	1982																										1							1							1			1			1		1		1		
	5	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Đinh Văn Ân	Nam	12	3	1982																		1																		1				1						1			1		1	
	6	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Lò Thị Bích	Nữ	13	7	1984																								1								1									1			1		1			1		1	Tại chức
	7	Chi cục THADS Huyện Phù Yên	Cầm Thị Thu Nguyệt	Nữ	1	9	1992																1																1												1		1			1		1	Tại chức
7	1	Chi cục THADS Huyện Bắc Yên	Nguyễn Văn Phú	Nam	27	11	1973	1				20	1	2021						1																			1							1				1			1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Bắc Yên	Nguyễn Trọng Đoàn	Nam	18	2	1974				1	1	12	2020							1																		1								1				1		1		1			1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Bắc Yên	Mùa A Cang	Nam	20	8	1986																	1															1								1				1		1			1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Bắc Yên	Hoàng Hoài Thương	Nữ	7	12	1990																						1													1											1			1		1	
	5	Chi cục THADS Huyện Bắc Yên	Cầm Thị Hồng Nấm	Nữ	5	10	1988																										1							1									1			1		1			1		1	Tại chức
8	1	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Trần Văn Quận	Nam	25	11	1968	1				20	10	2020							1																		1								1				1		1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Thào Thị Minh Ngọc	Nữ	14	12	1980				1	4	1	2022						1																			1								1			1			1			1		1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Tòng Văn Học	Nam	10	12	1984														1																		1												1		1			1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Vàng A Chư	Nam	15	11	1982																								1								1								1				1		1			1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Lò Thị Huyền Chung	Nữ	8	10	1985																					1											1												1		1			1		1	Tại chức
	6	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Đồng Thị Nga	Nữ	17	11	1973																1																1												1		1		1			1	Tại chức
	7	Chi cục THADS Huyện Thuận Châu	Điêu Thị Chuyên	Nữ	27	4	1981																											1					1								1				1		1			1		1	Tại chức
9	1	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Nguyễn Tấn Việt	Nam	8	8	1973	1				1	11	2021							1																		1							1				1			1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Quàng Văn Hải	Nam	26	12	1975				1	10	3	2019						1																			1							1				1			1			1		1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Lường Văn Bích	Nam	21	1	1964														1																		1												1		1			1	1		
	4	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Lò Văn Huệ	Nam	25	3	1983														1																		1								1				1			1		1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Lò Thị Minh Lan	Nữ	6	3	1984																1																1												1		1			1		1	Tại chức
	6	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Phạm Thị Việt Hồng	Nữ	16	11	1993																	1															1												1			1	1		1		

Số TT đơn vị	Số TT CC,NLD	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	HỌ VÀ TÊN	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh			Chức vụ đang giữ				Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lần đầu chức vụ đang giữ			Ngày, tháng, năm bổ nhiệm lại chức vụ đang giữ			Kế toán trưởng	Cơ cấu ngạch công chức																		Trình độ chuyên môn								Lý luận Chính trị				Quản lý nhà nước			Ký luật (trong năm BC từ 01/10-30/9)	ĐẢNG, ĐOÀN		DÂN TỘC		Hệ đào tạo đại học		
								Cấp trưởng			Cấp phó																									Trên đại học		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp		Chính trị				Quản lý nhà nước				Đảng viên	Còn lại	Kinh	Khác	Chính quy	Khác	Ghi chú *Ghi rõ loại hình đào tạo khác*
					Ngày	Tháng	Năm	Trưởng	Quyền	Phó phụ trách		Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm		CHV cao cấp	CHV trung cấp	CHV Sơ cấp	Thẩm tra viên chính	Thẩm tra viên	Thư ký THA	Thư ký trung cấp THA	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự làm công tác THADS	Thủ kho	Thủ quỹ	Văn thư trung cấp	Kế toán viên chính	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Chức danh còn lại	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học Luật	Đại học khác	Cao đẳng luật	Cao đẳng khác	Trung cấp luật	Khác	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	CVCC	CVC	Chuyên viên									
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55
	7	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Lậu Ba Sáu	Nam	14	4	1986																							1									1									1				1		1			1		1	Tại chức
	8	Chi cục THADS Huyện Sông Mã	Nguyễn Thái Thăng	Nam	12	12	1978																				1												1									1				1		1			1		1	Tại chức
	1	Chi cục THADS Huyện Sốp Cộp	Bùi Đỗ Hà	Nam	24	3	1971	1				17	4	2023							1																		1									1				1		1			1		1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Sốp Cộp	Trần Thị Cúc	Nữ	24	3	1974														1																		1									1				1		1			1		1	Tại chức
10	3	Chi cục THADS Huyện Sốp Cộp	Lường Thị Cẩm Hường	Nữ	20	8	1992																	1															1									1					1		1		1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Sốp Cộp	Vì Duy Thọ	Nam	12	12	1983																						1										1									1				1		1			1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Sốp Cộp	Nguyễn Thị Nhài	Nữ	20	9	1994																										1							1														1	1		1			
	1	Chi cục THADS Huyện Quỳnh Nhai	Trịnh Cương Quyết	Nam	29	11	1964	1				20	1	2021						1																			1								1				1				1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Quỳnh Nhai	Lò Văn Kính	Nam	25	5	1980				1	15	11	2015	15	11	2020				1																		1								1				1		1			1		1	Tại chức
11	3	Chi cục THADS Huyện Quỳnh Nhai	Thào A Chu	Nam	28	10	1975																							1									1									1				1		1			1		1	Tại chức
	4	Chi cục THADS Huyện Quỳnh Nhai	Nguyễn Chí Bình	Nam	15	7	1980																										1							1									1				1		1		1			
	5	Chi cục THADS Huyện Quỳnh Nhai	Sùng A Mua	Nam	2	11	1989														1																		1														1		1		1		1	Tại chức
	1	Chi cục THADS Huyện Mường La	Ngô Văn Bình	Nam	15	3	1974	1				1	1	2024							1																		1								1						1		1			1	Tại chức
	2	Chi cục THADS Huyện Mường La	Vũ Văn Nhương	Nam	4	1	1970														1																		1								1				1		1			1		1	Tại chức
	3	Chi cục THADS Huyện Mường La	Lò Văn Hiệp	Nam	4	9	1988																					1											1								1						1		1			1	Tại chức
12	4	Chi cục THADS Huyện Mường La	Hà Thị Minh	Nữ	26	10	1985																										1							1														1		1		1		1	Tại chức
	5	Chi cục THADS Huyện Mường La	Lù A Cua	Nam	08	2	1990																				1												1														1				1	1		
	6	Chi cục THADS Huyện Mường La	Thào A Thinh	Nam	15	7	1989														1																		1								1						1				1		1	Tại chức

Sơn La, ngày 31 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Thị Mai

CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC T.H.ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Nguyễn Ngọc Hải

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA

BÁO CÁO THỐNG KÊ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA NĂM 2024
(Số liệu tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2024)

Số thứ tự đơn vị	Số thứ tự người lao động	Đơn Vị công tác	Họ Và Tên	Giới Tính	Ngày, Tháng, Năm Sinh			Thời Điểm Ký Hợp Đồng			Thời Hạn Hợp Đồng	Hợp Đồng Theo NĐ 161	Hợp Đồng Làm Việc Khác	Vị trí làm việc					Kỷ Luật (trong Năm Bc Từ 01/10-30/9)	Đảng, Đoàn		Dân Tộc	
					Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm					Đại học	Cao Đẳng	Trung Cấp Luật	Khác		Đảng Viên	Còn Lại	Kinh	Dân Tộc Thiểu Số Khác
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
			32			0	0		0	0		32	0		14	1	4	8	0	12	19	9	23
		CỤC THADS CẤP TỈNH:	5	5								5	0		2	0	0	3	0	3	2	1	4
	1	Văn phòng	Lường Dược Huy	Nam	26	12	1976	1	6	2021	Không xác định thời han	1		LX				1			1		1
	2	Văn phòng	Đào Tất Hiếu	Nam	5	12	1974	1	6	2021	Không xác định thời han	1		LX				1		1		1	
	3	Văn phòng	Lò Văn Tương	Nam	16	7	1983	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV	1					1			1
	4	Văn phòng	Đinh Công Ngoan	Nam	12	2	1976	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV	1					1			1
	5	Văn phòng	Cà Thị Thủy	Nữ	10	5	1988	1	6	2021	Không xác định thời han	1		TV				1			1		1
		CHI CỤC THADS CẤP HUYỆN	27								27	27	-		12	1	4	5	-	9	17	8	19
1	1	Chi cục THADS TP Sơn La	Lường Anh Quyết	Nam	12	4	1994	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV			1				1		1
	2	Chi cục THADS TP Sơn La	Hà Trung Anh	Nam	7	12	1988	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV							1		1
	3	Chi cục THADS TP Sơn La	Nguyễn Hải Sơn	Nam	8	3	1994	2	8	2022	Không xác định thời han	1		LX				1				1	
2	1	Chi cục THADS huyện Mai Sơn	Nguyễn Ngọc Chung	Nam	5	12	1987	1	6	2021	Không xác định thời han	1		LX	1						1	1	
	2	Chi cục THADS huyện Mai Sơn	Đặng Khánh Duy	Nam	2	5	1998	18	7	2022	Không xác định thời han	1		BV						1		1	
3	1	Chi cục THADS huyện Yên Châu	Lò Thị Hồng	Nữ	28	5	1988	1	6	2021	Không xác định thời han	1		TV	1					1			1
	2	Chi cục THADS huyện Yên Châu	Ngô Văn Linh	Nam	11	8	1992	1	6	2021	Không xác định thời han	1		LX	1						1	1	
	3	Chi cục THADS huyện Yên Châu	Lò Văn Giang	Nam	22	10	1982	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV				1		1			1
4	1	Chi cục THADS huyện Mộc Châu	Hoàng Hải Nam	Nam	10	2	1995	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV			1				1		1
	2	Chi cục THADS huyện Mộc Châu	Hà Thị Dung	Nữ	3	9	1982	1	6	2021	Không xác định thời han	1		TV	1					1			1
	3	Chi cục THADS huyện Mộc Châu	Hà Trung Thực	Nam	2	5	1990	1	6	2021	Không xác định thời han	1		LX				1			1		1
5	1	Chi cục THADS huyện Vân Hồ	Bàn Văn Tuấn	Nam	13	10	1995	1	6	2021	Không xác định thời han	1		BV							1		1

6	1	Chi cục THADS huyện Phù Yên	Trần Ngọc Đông	Nam	1	5	1988	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX	1						1	1	
	2	Chi cục THADS huyện Phù Yên	Phạm Mai Đông	Nam	2	2	1994	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		BV	1						1	1	
7	1	Chi cục THADS huyện Bắc Yên	Hà Thái Dương	Nam	19	12	1992	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX				1			1		1
	2	Chi cục THADS huyện Bắc Yên	Lò Xuân Hậu	Nam	27	11	1989	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		BV			1			1			1
9	1	Chi cục THADS huyện Thuận Châu	Nguyễn Tuấn Nghĩa	Nam	21	7	1993	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX	1						1	1	
	2	Chi cục THADS huyện Thuận Châu	Đỗ Bình Minh	Nam	25	6	2000	11	7	2022	Không xác định thời hạn	1		BV							1		1
	1	Chi cục THADS huyện Sông Mã	Lò Cầm Thứ	Nam	18	3	1988	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX	1					1			1
	2	Chi cục THADS huyện Sông Mã	Lường Thị Thảo	Nữ	4	4	1994	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		TV	1						1		1
	3	Chi cục THADS huyện Sông Mã	Hà Văn Đại	Nam	23	11	1986	30	11	2022	Không xác định thời hạn	1		BV				1			1		1
10	1	Chi cục THADS huyện Sốp Cộp	Lò Văn Hà	Nam	6	3	1988	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX	1						1		1
	2	Chi cục THADS huyện Sốp Cộp	Lò Văn Tiến	Nam	7	10	1986	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		BV							1		1
11	1	Chi cục THADS huyện Quỳnh Nhai	Tòng Văn Hành	Nam	30	4	1988	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		BV	1					1			1
	2	Chi cục THADS huyện Quỳnh Nhai	Lò Văn Dương	Nam	8	8	1989	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX		1				1			1
12	1	Chi cục THADS huyện Mường La	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	21	11	1971	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		BV	1					1		1	
	2	Chi cục THADS huyện Mường La	Lò Đại Quân	Nam	2	2	1994	1	6	2021	Không xác định thời hạn	1		LX			1				1		1

Sơn La, ngày 31 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Thị Mai

CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC T.H.ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Nguyễn Ngọc Hải